

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 01/2023/KDTM-ST

Ngày 12-9-2023

V/v tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Minh;

2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/KDTM-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Số 6A ngõ 49 T N V- phường Q- quận T- thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Bùi Thảo L và chị Vũ Thị H, theo văn bản uỷ quyền ngày 12-6-2023; chị L có mặt, chị H vắng mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần TC P Th

Địa chỉ: Tổ 12 thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T- Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12-6-2023 và các lời khai tiếp theo người đại diện của nguyên đơn Công ty cổ phần M trình bày:

Ngày 04-4-2022, Công ty cổ phần M và Công ty cổ phần TC P Th đã ký hợp đồng mua bán số 008/2022/TCMP/MBTB với nội dung; Công ty cổ phần M bán cho Công ty cổ phần TC P Th 01 chiếc máy đào bánh xích Volvo model EC210D, nhà sản xuất Volvo CE; xuất xứ Hàn Quốc; động cơ Volvo D5E; công suất động cơ 123 KW/167 HP@ 2.000 vòng/phút; mô men 670 Nm @ 1.600 vòng/phút. Số khung/số máy: VCEC210DC 00283321/12584924D5E và các phụ tùng kèm theo

với giá 2.591.080.000 (Đã bao gồm thuế VAT 8%). Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản. Thời gian thanh toán như sau:

Đợt 1, trong vòng 03 ngày sau khi ký hợp đồng, bên mua thanh toán cho bên bán số tiền là 750.000.000 đồng. Khoản tiền này sẽ không được hoàn trả nếu bên mua vi phạm các nghĩa vụ và thoả thuận như đã quy định trong hợp đồng. Số tiền còn lại của hợp đồng là 1.841.080.000 đồng bên mua sẽ thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao hàng và được chia làm 12 đợt thanh toán, mỗi đợt cách nhau 01 tháng. Ngày thanh toán của các đợt tiếp theo là ngày tương ứng sau mỗi một tháng kể từ ngày bàn giao hàng. Số tiền thanh toán mỗi lần quy định như sau:

Đợt 2- Sau 01 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 87.600.000 đồng;

Đợt 3- Sau 02 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 87.060.000 đồng;

Đợt 4- Sau 03 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 86.520.000 đồng;

Đợt 5- Sau 04 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 180.424.444 đồng;

Đợt 6- Sau 05 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 179.204.444 đồng;

Đợt 7- Sau 06 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 177.984.444 đồng;

Đợt 8- Sau 07 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 176.764.444 đồng;

Đợt 9- Sau 08 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 175.544.444 đồng;

Đợt 10- Sau 09 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 174.324.444 đồng;

Đợt 11- Sau 10 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 173.104.444 đồng;

Đợt 12- Sau 11 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 171.884.444 đồng;

Đợt 13- Sau 12 tháng kể từ ngày giao hàng thanh toán số tiền 170.664.448 đồng.

Ngày 04-4-2022, Công ty cổ phần M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp giao hàng hoá và chứng từ, tài liệu đi kèm, cụ thể đã bàn giao chiếc máy đào bánh xích theo hợp đồng mua bán trên cho Công ty cổ phần TC P Th.

Tính đến ngày 14-12-2022 Công ty cổ phần TC P Th đã thanh toán cho Công ty cổ phần M số tiền 1.224.660.000đ (*Một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*). Sau đó Công ty cổ phần TC P Th không thực hiện thêm bất cứ đợt thanh toán nào nữa. Số tiền chưa thanh toán là 1.366.420.000đ (*Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*), hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 08-4-2023.

Ngày 04-4-2023 hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ và xác nhận Công ty cổ phần TC P Th còn nợ Công ty cổ phần M số tiền 1.366.420.000đ (*Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngày 06-4-2023 hai bên lập biên bản làm việc, Công ty cổ phần TC P Th đã cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cổ phần M toàn bộ số tiền còn nợ vào ngày 10-4-2023, nếu đến hạn Công ty cổ phần TC P Th không thanh toán, Công ty cổ phần M sẽ tiến hành niêm phong và thu chìa khoá thiết bị vào ngày 11-4-2023. Nếu đến ngày 15-4-2023 Công ty cổ phần TC P Th vẫn không thanh toán số tiền còn lại, Công ty cổ phần M sẽ thu hồi thiết bị ngay lập tức.

Ngày 14-4-2023 Công ty cổ phần TC P Th có văn bản gửi Công ty cổ phần M với nội dung do đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, Công ty cổ phần TC P Th đã tạm giao mỏ cho bên mua tiếp nhận và quản lý từ ngày 18-12-2022 vì vậy Công ty cổ phần TC P Th chưa thanh toán đúng hạn theo

hợp đồng và đề nghị Công ty cổ phần M tạo điều kiện thanh toán số tiền còn lại làm hai đợt: Đợt 1 thanh toán 500.000.000 đồng trước ngày 30-4-2023; đợt hai thanh toán nốt số tiền còn lại trước ngày 30-5-2023. Nhận thấy đề xuất của Công ty cổ phần TC P Th trái với cam kết và thoả thuận tại biên bản làm việc ngày 06-4-2023 nên Công ty cổ phần M đã có văn bản từ chối và thông báo tiến hành thu hồi hàng hoá vào ngày 21-4-2023.

Ngày 21-4-2023 đại diện của Công ty cổ phần M đã gặp và trao đổi với đại diện của Công ty cổ phần TC P Th về việc thu hồi máy nhưng không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty cổ phần TC P Th. Mặc dù đã nhiều lần tạo điều kiện cho Công ty cổ phần TC P Th thực hiện thanh toán cũng như yêu cầu hoàn trả hàng hoá nếu không có khả năng thanh toán hoặc cách thức để cùng bàn bạc, trao đổi trên cơ sở thiện chí nhưng không đạt được kết quả.

Nhận thấy không thể giải quyết vụ việc thông qua thương lượng, hoà giải, nay Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần TC P Th phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.366.420.000đ (*Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*); trường hợp không có khả năng thanh toán, yêu cầu Công ty cổ phần TC P Th phải hoàn trả lại hàng hoá theo hợp đồng mua bán và xử lý hoá đơn tài chính số 00000140 ký hiệu 1C22TYT ngày 08-4-2022 theo quy định của pháp luật, đồng thời Công ty cổ phần M sẽ không hoàn trả cho Công ty cổ phần TC P Th số tiền đã thanh toán.

Trong bản tự khai và tại các phiên hoà giải bị đơn là Công ty cổ phần TC P Th do ông Nguyễn Minh T- Giám đốc đại diện theo pháp luật hoàn toàn nhất trí với những nội dung nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên do hiện tại Công ty cổ phần TC P Th đang gặp khó khăn nên đề nghị Công ty cổ phần M gia hạn thêm thời gian thanh toán số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần M và Công ty cổ phần TC P Th là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

Bị đơn trong vụ án là Công ty cổ phần TC P Th có địa chỉ trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc tổ 12 thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập nhưng Công ty cổ phần TC P Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự thể hiện: Ngày 04-4-2022, Công ty cổ phần M và Công ty cổ phần TC P Th đã ký hợp đồng mua bán số 008/2022/TCMP/MBTB với nội dung: Công ty cổ phần M bán cho Công ty cổ phần TC P Th 01 chiếc máy đào bánh xích Volvo model EC210D, nhà sản xuất Volvo CE; xuất xứ Hàn Quốc; động cơ Volvo D5E; công suất động cơ 123 KW/167HP@ 2.000 vòng/phút; mô men 670 Nm @ 1.600 vòng/phút. Số khung/số máy: VCEC210DC 00283321/12584924D5E và các phụ tùng kèm theo với giá 2.591.080.000 (Đã bao gồm thuế VAT).

Hợp đồng mua bán hàng hoá số 008/2022/TCMP/MBTB ngày 04-4-2022 nói trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung hợp đồng do các bên xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bên bán đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp giao hàng hoá và chứng từ, tài liệu đi kèm; tính đến ngày 14-12-2022 bên mua đã thanh toán cho bên bán số tiền 1.224.660.000 đồng. Đến nay Công ty cổ phần TC P Th còn nợ Công ty cổ phần M số tiền 1.366.420.000đ (*Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) là đúng thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được. Tại phiên toà quan điểm người đại diện của nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần TC P Th phải trả Công ty cổ phần M số tiền mua máy đào bánh xích còn nợ là 1.366.420.000đ (*Một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Trường hợp không có khả năng thanh toán, yêu cầu Công ty cổ phần TC P Th phải hoàn trả lại hàng hoá theo hợp đồng mua bán số 008/2022/TCMP/ MBTB ngày 04-4-2022 (Không yêu cầu xử lý hoá đơn tài chính số 00000140 ký hiệu 1C22TYYY ngày 08-4-2022), đồng thời Công ty cổ phần M sẽ không hoàn trả cho Công ty cổ phần TC P Th số tiền đã thanh toán.

Theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự thì: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*.

Khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền quy định trong hợp đồng”*.

Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại cũng quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”*.

Trong Phụ lục số 1 của hợp đồng mua bán số 008/2022/TCMP/ MBTB ngày 04-4-2022 hai bên đã thỏa thuận: *“Trường hợp bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 7 ngày của mỗi đợt thanh toán bất kỳ từ đợt 2 thì bên mua trả lại thiết bị cho bên bán sau 01 ngày làm việc kể từ ngày bên bán gửi cho bên mua thông báo về vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Toàn bộ số tiền bên mua đã chuyển cho bên bán được tính là tiền bên mua thuê máy của bên bán từ khi giao hàng đến thời điểm vi phạm thanh toán của bên mua. Bên mua không được hoàn trả khoản tiền thanh toán”*.

Ngày 06-4-2023 bên bán và bên mua đã lập biên bản làm việc, theo đó Công ty cổ phần TC P Th cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cổ phần M toàn bộ số tiền còn nợ vào ngày 10-4-2023, tuy nhiên mặc dù quá hạn theo cam kết, Công ty cổ

phần M đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty cổ phần TC P Th vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty cổ phần M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Công ty cổ phần TC P Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào các điều 357, 430; khoản 1 điều 440 của Bộ luật Dân sự; điều 24, khoản 1, khoản 2 điều 50, điều 55 Luật Thương mại; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần TC P Th có nghĩa vụ phải trả cho Công ty cổ phần M số tiền là **1.366.420.000đ** (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trường hợp không có khả năng thanh toán số tiền trên, Công ty cổ phần TC P Th phải hoàn trả lại hàng hoá cho Công ty cổ phần M theo hợp đồng mua bán số 008/2022/TCMP/MBTB ngày 04-4-2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty cổ phần TC P Th phải chịu 52.992.600đ (*Năm mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty cổ phần M được hoàn lại 26.497.000đ (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2022/0001034 ngày 10-7-2023.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô